TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/QĐST- DS
Ngày 16 - 07 - 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Thu Ba**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông **Huỳnh Thanh Trà**
2. Ông **Nguyễn Văn Sanh**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 10/2019/TLST-DS ngày 07/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐST - DS ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C –** Sinh năm:1960 – Địa chỉ: 124 Trần Tấn, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Dương Thị Thùy H** – Sinh năm: 1963 - Địa chỉ: Số 44/9 Lê Đình Thám, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Người làm chứng: Bà **Trần Thị N** – Sinh năm: 1959 – Địa chỉ: số 69 Lê Đình Thám, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

Bà **Phan Thị Hồng V** – Sinh năm 1979 – Địa chỉ: Số 65 Lê Đình Thám, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2018, tại bản trình bày, phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà Nguyễn Thị C và bà Dương Thị Thùy H là bạn bè rất thân thiết như người trong nhà. Nên bà H có hỏi mượn của bà C một khoản tiền cụ thể là:

+ Ngày 20/9/2014 bà H mượn số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng y).

+ Ngày 12/12/2015 bà H mượn số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

+ Ngày 13/7/2016 bà H mượn số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

+ Ngày 30/9/2017 bà H mượn số tiền là 45.000.000đ (Bốn mười lăm triệu đồng).

Tổng cộng bà H mượn bốn lần với số tiền 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng).

Khi mượn tiền bà Dương Thị Thùy H đều viết giấy mượn tiền.

Bà Nguyễn Thị C nhiều lần yêu cầu bà Dương Thị Thùy H phải trả số tiền nợ trên nhưng bà Dương Thị Thùy H không chịu trả.

Do vậy bà C khởi kiện bà H đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, buộc bà Dương Thị Thùy H phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền đã mượn là 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng) càng sớm càng tốt và trả một lần.

Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi.

Tại bản trình bày ngày 28/3/2019, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Dương Thị Thùy H trình bày:

Bà Dương Thị Thùy H thừa nhận có mượn tiền của bà C bốn lần với số tiền là 122.000.000 (Một trăm hai mươi hai triệu đồng y) khi mượn bà H có viết giấy mượn tiền cho bà. Nhưng bà H cho rằng hiện nay bà chỉ còn nợ số tiền là 87.000.000đ còn số tiền 35.000.000đ là tiền mượn biêu bà đã trả cho bà C, nhưng khi trả bà không yêu cầu bà C viết giấy đã nhận tiền mà chỉ có người làm chứng là bà Trần Thị N và chị Phan Thị Hồng V.

Nay vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho bà Trần Thị N và chị Phan Thị Hồng V phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu để Tòa án tiến hành lấy lời khai về việc trả tiền nợ giữa bà Dương Thị Thùy D và bà Nguyễn Thị C nhưng bà N và chị V đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho người làm chứng là bà Trần Thị Na và chị Phan Thị Hồng V nhưng bà N và chị V vẫn vắng mặt không có lý do. Theo

quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị N và chị Phan Thị Hồng V.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị C buộc bà Dương Thị Thùy H phải trả cho bà C với số tiền là 122.000.000 (Một trăm hai mươi hai triệu đồng y) thì thấy:

[2.1] Vào các ngày 20/9/2014, 12/12/2015, 13/7/2016 và 30/9/2017 bà H có viết giấy mượn của bà C tổng số tiền là 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng y).

[2.2] Về phía bà Dương Thị Thùy H cũng thừa nhận có mượn của bà C số tiền như bà C trình bày, nhưng bà H cho rằng bà chỉ còn nợ bà C số tiền là 87.000.000đ và bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Bà H trình bày đã trả được cho bà C số tiền 35.000.000đ nhưng khi trả tiền cho bà C bà không yêu cầu bà C phải viết giấy đã nhận tiền mà chỉ có bà Trần Thị N và bà Phan Thị Hồng V chứng kiến việc bà đã trả nợ cho bà C số tiền là 35.000.000đ.

Bà H cho rằng bà đã trả được cho bà C số tiền 35.000.000đ nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả cho bà C số tiền nói trên, về những người chứng kiến việc bà H đã trả tiền cho bà C thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà Trần Thị N và bà Phan Thị V nhưng bà N và bà V đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nào nộp cho Tòa án về việc có chứng kiến việc trả nợ của bà H cho bà C. Bà Nguyễn Thị C không thừa nhận bà H đã trả số tiền 35.000.000đ như bà H đã trình bày.

[2.3] Nên, bà C không có nghĩa vụ phải chứng minh các tình tiết, sự kiện mà bà C đã đưa ra cho yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải thanh toán số nợ trên theo quy định Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu buộc bà Dương Thị Thùy Hg phải trả cho bà C với số tiền là 122.000.000 (Một trăm hai mươi hai triệu đồng y) là có cơ sở được quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự .

Bà C không yêu cầu bà H phải trả lãi nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn là bà Dương Thị Thùy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Luật Dân sự.

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị C đối với bà Dương Thị Thùy H

Buộc bà Dương Thị Thùy H phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng y).

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.
- Áp dụng: Điều 229, Điều 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với bà Dương Thị Thùy H

Buộc bà Dương Thị Thùy H phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng y).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Thùy H phải chịu là 6.100.000đ (Sáu triệu một trăm ngàn đồng y).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.050.000đ theo biên lai số 0006774 ngày 05/1/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu- TP Đà Nẵng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba